

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MỎ CÀY NAM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **21/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 28-4-2020

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi
con khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY NAM - TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Thanh Như

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Ty

Ông Nguyễn Minh Chiến

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Nhật Trường - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M tỉnh Bến Tre mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 443/2019/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2019 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Lý Thị T**, sinh năm 1986;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn Hùng C**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre.

(Bà T có đơn xét xử vắng mặt; Ông C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/10/2019, bản tự khai cùng các tài liệu, chứng cứ cung cấp cho Tòa án và đơn đề nghị giải quyết vắng mặt nguyên đơn bà Lý Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Hùng C kết hôn và đăng ký kết hôn vào năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Hôn nhân do tự nguyện tìm hiểu. Sau khi kết hôn, vợ chồng làm việc và sinh sống tại Thành phố

B, tỉnh Đồng Nai, vợ chồng làm chung công ty và cùng nhau làm ăn chăm lo phát triển kinh tế gia đình. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, được một thời gian thì bà phát hiện ông C mê cá độ, cờ bạc, đá gà nên vợ chồng hay cãi nhau về vấn đề này. Đến năm 2012, vợ chồng bà quyết định chuyển về nhà chồng tại ấp A, xã Đ, huyện M sinh sống và làm việc, tuy nhiên ông C vẫn chứng nào tật nấy, không thay đổi tính tình mặc dù bà và gia đình đã khuyên nhủ. Do đó, bà đã dọn ra ngoài sinh sống hơn 08 tháng nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có gặp nhau để bàn bạc, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Nay bà nhận thấy không còn tình cảm với ông C nên bà yêu cầu ly hôn với ông C.

Về con chung: Bà và ông C có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Trúc V, sinh ngày 25/11/2008. Hiện nay, con chung đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con và không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, ông Nguyễn Hùng C được Tòa án thông báo, triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng ông C vắng mặt không lý do.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị T đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng C, cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà T được ly hôn với ông C.
- Về con chung: Hiện nay con chung đang sống chung với bà T, do đó cần thiết giao con chung cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, ông C không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.
- Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.
- Về nợ chung: Bà T khai không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Lý Thị T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Hùng C đồng thời yêu cầu trực tiếp nuôi con, ngoài ra bà T không có yêu cầu nào khác. Căn cứ vào đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 cùng các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại Điều 51 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà T khởi kiện yêu cầu ly hôn và tranh chấp nuôi con với ông C, đây là loại việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn ông Nguyễn Hùng C có nơi cư trú tại ấp A, xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre có thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về việc tham gia phiên tòa của đương sự: Bà T có đơn xin xét xử vắng mặt (BL 24), ông C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà T và ông C.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Vào ngày 15/11/2008, bà T và ông C tiến hành làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện M, tỉnh Bến Tre. Việc đăng ký kết hôn giữa bà T và ông C là hoàn toàn tự nguyện, không bên nào bị ép buộc, đã tuân thủ đúng theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Tại đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 (BL 04) và bản tự khai ngày 20/12/2019 (BL16), bà T trình bày hiện nay vợ chồng chung sống không hạnh phúc, không còn quan tâm, yêu thương, chăm sóc lẫn nhau nên bà T quyết định ly hôn với ông C. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án triệu tập ông C đến để hòa giải nhằm hàn gắn tình cảm vợ chồng giữa ông và bà T nhưng ông C không có mặt. Ngoài ra, Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các tài liệu chứng cứ của bà T cho ông C biết nhưng ông C không có mặt cũng như không có ý kiến phản đối với yêu cầu ly hôn của bà T. Tại biên bản xác minh ngày 24/02/2020 (BL 38) và đơn xin xác nhận (BL 22) có thông tin như sau: ông C thường xuyên đi chơi cờ bạc, về nhà chửi bới vợ con. Từ các căn cứ trên, xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông C đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là phù hợp.

[5] Về con chung: Bà T và ông C có với nhau 01 con chung tên Nguyễn Trúc V, sinh ngày 25/11/2008. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu trực tiếp nuôi con. Hội

đồng xét xử xét thấy: hiện cháu V đang sống chung với bà T, cháu V đang tham gia học tập tại trường THCS thị trấn M và nguyện vọng của cháu là muốn sống chung với bà T (BL 29). Mặc khác, từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, ông C cũng không có ý kiến phản đối với việc bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử xét thấy để con chung phát triển ổn định, toàn diện cần giao cháu Vân cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp. Ghi nhận sự tự nguyện của bà T tạm thời không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về nợ chung: Bà T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về án phí: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: “Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ...”. Vì vậy, bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lý Thị T về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” đối với bị đơn ông Nguyễn Hùng C, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Lý Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Hùng C.

- Về con chung: Có 01 (một) con chung tên Nguyễn Trúc V, sinh ngày 25/11/2008. Sau khi ly hôn, bà Lý Thị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Ghi nhận sự tự nguyện bà Lý Thị T tạm thời không yêu cầu ông Nguyễn Hùng C cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, ông Nguyễn Hùng C có quyền thăm, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên, không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà Lý Thị T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

- Về nợ chung: Bà Lý Thị T khai không có nên không xem xét.

2. Án phí: Bà Lý Thị T phải chịu số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0008073 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện M, tỉnh Bến Tre (đã nộp xong).

3. Bà Lý Thị T và ông Nguyễn Hùng C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện M (1b);
- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- CCTHADS huyện M (1b);
- UBND xã Đ, huyện M – Số 111 Quyển 1 năm 2008 (1b);
- Các đương sự (2b);
- Lưu hồ sơ; VP (3b)

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký, đóng dấu)

Huỳnh Thị Thanh Như